



TIN LÀNH

**BẢN TIN CỦA
HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM TẠI ARNHEM
số 66 ra ngày 28-04-2010**



**Sự thanh liêm của người ngay thẳng dẫn dắt họ;
Còn sự gian tà của kẻ bất trung sẽ hủy diệt chúng nó.
(Châm ngôn 11: 3)**

Trong số này:

Tình yêu Ban đầu- Tường Loan

Thơ:

Lời cầu xin. – Trình Hữu Lân

Suy gẫm:

Chớ làm buồn Đức Thánh linh

Nguyễn Lê

Tìm hiểu:

TẮM LÒNG CON NGƯỜI.

Nguyễn Đình Bùi Thị

Tham khảo:

Tính Nhất Quán- John Maxwell

Giải nghĩa Kinh thánh:

Sa-bát: "ngày yên nghỉ."

Nhân ngày lễ mẹ...

Nỗi Niềm

Thái Trịnh

Tìm hiểu:

Những Nền Tảng Của Sự Cứu Rỗi:

Thập Tự Giá Của Đấng Christ

McGrath

Truyện dài:

Samuel Morris –

Hoàng Tử Phi Châu.

(Tiếp theo và hết)

Thơ:

Bông trái Thánh linh- Tam Hải

Tìm hiểu:

Thái độ của Cơ đốc nhân đối với việc uống rượu.

(Tiếp theo kỳ trước)

Sử ký Hội thánh

Hồi giáo

Tình yêu Ban đầu

Cảm giác mình vẫn chưa hiểu rõ vì sao Chúa Giê-xu gởi thư đến cho Hội thánh Chúa tại Tiều á xưa, qua tay sứ đồ Giăng, tôi phải cố gắng đọc đi đọc lại nhiều lần bảy bức thư đó được ghi lại trong sách Khải Huyền, để tìm hiểu xem thực sự ý Đức Chúa Trời muốn nói điều gì với họ và với chúng ta.

Xuyên suốt bảy bức thư tôi thấy có một điểm chính nổi bật mà Chúa muốn nhấn gởi với các Hội thánh cũng như con dân Chúa khắp nơi qua các thời đại, đó là phải yêu kính Chúa một cách hết lòng, trọn vẹn.

Như Chúa đã nhấn nhủ trong bức thư gởi cho Hội thánh Ê-phê-sô (Khải 2:1-6), Chúa muốn Hội thánh xem xét lại lòng yêu kính Chúa của họ như thế nào. Chúa muốn thấy lại mức độ yêu Chúa thiết tha của họ như lúc ban đầu mới đến với Chúa. Tình yêu này là nền tảng căn bản, là hành trang, là nhu yếu quan trọng bậc nhất để giúp chúng ta bền lòng chống đỡ lại được những hoạn nạn, thử thách lớn lao (Ht Si-mi-éc-nơ, Khải 2:8-10; Ht Phi-la-đen-phi, Khải 3:7-11) đến trong đời sống mình; để có thể sống đời sống trong sạch thánh khiết (Ht Sạt-đe, Khải 3:1-6); để không dễ bị các thần tượng, đạo khác dẫn dụ (Ht Pết-găm, Khải 2:12-16; Ht Thi-a-ti-ơ, Khải 2:16-25); để chống lại được cám dỗ của con mắt xác thịt, vật chất thế gian (Ht Lao-đi-xê, Khải 3:14-20). Nếu không giữ chặt tình yêu này với Chúa, nếu không phát triển tốt mối quan hệ này với Chúa, chúng ta cũng sẽ lần lượt phạm hết mọi điều mà các Hội thánh xưa đã phạm.

Tình yêu mà Chúa muốn nói đến ở đây không phải thuần túy như tình yêu nam nữ. Tình yêu Chúa muốn nói với Ht Ê-phê-sô nói riêng cũng như với chúng ta nói chung, là tình yêu mà mỗi một cá nhân chúng ta đã phải có để đáp ứng lại trước tình yêu của Chúa. Tình yêu Chúa đối với chúng ta là tình yêu thương tha thứ tội chúng ta qua cái chết hy sinh đau đớn của Chúa Giê-xu. Chúa mong muốn thấy tình yêu đó được hâm nóng trong mỗi ngày, Khải 3:15, bằng sự tương giao với Chúa, với ý thức về tội lỗi cá nhân, với ý niệm rằng ngày hôm nay tôi không thể bắt đầu được nếu Chúa không ban cho sức lực và sự hướng dẫn. Đó là một tình yêu biết ơn của chúng ta đối với Chúa. Là sống trong sự khiêm tốn lệ thuộc vào ơn điển, vào sự ban cho của Đức Chúa Trời trong mỗi ngày. Xuất phát từ tình yêu đó chúng ta mới có thể sống làm vui lòng Chúa và làm cho cuộc đời mình hạnh phúc và có ý nghĩa được.

Muốn phát triển, xây dựng tốt tình yêu đó với Chúa mỗi ngày không phải là chuyện đơn giản. Nó đòi hỏi ý chí và quyết tâm của mỗi một người. Chúng ta có sẵn sàng tập từ bỏ, làm chết cái tôi vô cùng vĩ đại của mình, như Gary Thomas nói, là phải làm đám tang cho cái tôi của mình mỗi ngày hay không!? Như trong đời sống vợ chồng, gia đình, Hội thánh, quan hệ xã hội hay trong nơi học đường, công sở, chúng ta làm chết dần dần cái tôi, làm chết đi những đòi hỏi, kỳ vọng, ích kỷ cá nhân để mới có thể lần hồi tiếp nhận và thâm nhập những điều mới và khác của người khác. Trong trường

hợp này, chúng ta có quan hệ với Chúa. Ngài toàn vẹn vô cùng! Chúng ta phải tập sống với Ngài. Chúa không thể sống để phạm tội cùng với chúng ta, nhưng để giúp chúng ta sống từ bỏ tội, giúp chúng ta bắt chước làm theo Ngài sống đời sống giống Chúa và mang ích lợi đến cho người khác. Chúng ta chỉ có một con đường lựa chọn duy nhất đó, nếu muốn làm một người yêu đẹp lòng Chúa. Điều đó cũng có nghĩa là cá nhân chúng ta phải hiệp làm một với Chúa như trong tình chồng vợ phải nên một với nhau. Chúa yêu gì thì tôi cũng có khuynh hướng yêu cái đó, Chúa ghét điều gì chúng ta tập không thích điều đó.

Hy vọng những ánh nắng xuân rộn ràng của tháng tư này sẽ làm lòng chúng ta rộn ràng lên trước tình yêu của Chúa. Qua những tác phẩm Chúa tạo ra trong thiên nhiên với màu sắc xinh đẹp; với những sản phẩm, vật thực xuất phát từ thiên nhiên; với Lời yêu thương diệu kỳ được thể hiện qua Kinh thánh; trước những giọt huyết thánh mà Chúa đã đổ ra để cứu linh hồn cho con người tội lỗi và hay phạm tội của chúng ta; và với Thánh Linh Chúa quyền năng của Chúa nữa!

Sắp tới, Hội thánh khắp nơi sẽ kỷ niệm ngày Chúa đã ban Thần Linh Ngài xuống để an ủi, động viên, dẫn dắt, cảnh giác, thụ trang cho con dân Chúa trong cuộc sống theo và hầu việc Chúa trên đất này cho đến khi Chúa Giê-xu tái lâm. Ói, tình yêu Chúa thật trọn vẹn và cao cả! Ngài đã chuẩn bị mọi nhu cầu và yếu tố cần thiết cho con người chúng ta để sống, từ lúc ban đầu, cho đến phút cuối cùng.

Cho nên đừng bao giờ lo rằng mình yêu Chúa quá nhiều, mà hãy lo là mình dễ bị chệnh mảng bởi cuộc sống này, hoặc bởi tội lỗi ngăn cản mà không yêu Chúa đủ đó thôi!



Tường Loan

Thơ: LỜI CẦU XIN.

Xin cho con một niềm tin mãnh liệt,
Đức Chúa Trời, Đấng quyền phép thiêng liêng,
Xin cho con vững một lòng trông cậy,
Mọi việc trong đời do Chúa dựng nên.
Xin cho con có tình yêu của Chúa,
Yêu thương người thù nghịch, kẻ hèn ngu.
Xin cho con nhớ mình là tội mọi,
Được cứu là nhờ huyết Chúa Giê-xu.
Xin cho con đừng nhìn theo nhân thế,
Mà nhìn theo ý Chúa trên cao.
Xin cho con lắng nghe Lời dạy dỗ,
Sống trong Ngài không giây phút lãng xao.
Xin Thánh linh vào đời con chiếm hữu,
Dẫn con đi trong phước hạnh của Ngài.
Để con biết khiêm nhường và nhịn nhục,
Thế gian này cao trọng bởi tình yêu.
Xin cho con được đầy ơn của Chúa
Để tự do đi rao giảng Tin Lành.
Xin quyền phép Đức Chúa Trời rộng mở,
Để nơi nào Danh Chúa cũng hiển vinh.
Xin Chúa trải bình an vào cuộc sống,
Để mọi người vui tha thứ lẫn nhau.
Xin Chúa chữa lành những đau mù, bệnh tật,
Cho mọi người nhìn biết Chúa trên cao.

Cảm tạ Chúa con biết mình hèn mọn,
Nhưng con tin Chúa là Đấng quan phòng.
Chúa vận hành cho tình yêu được trọn,
Cho những người yêu Chúa thỏa niềm mong.



Trình Hữu Lân

Tin tức-Tin tức-Tin tức

-Từ ngày 22 đến 24-5: Trại Ngũ tuần:

Với Chủ đề: **Hầu việc Đức Chúa Trời**, dựa theo câu gốc: trong Công vụ 2: 17a: *“Đức Chúa Trời phán rằng: Trong những ngày sau rốt, Ta sẽ đổ Thần ta khắp trên mọi xác-thịt.”* Hội thánh Arnhem sẽ tổ chức Trại nhân kỷ niệm ngày Đức Thánh linh giáng lâm thành lập Hội thánh.

Diễn giả cho kỳ Trại này là Mục sư Nguyễn Văn Bình (Pháp).

Ngoài 3 buổi giảng bồi linh, kỳ trại lần này còn có những buổi thảo luận, thuyết trình, tâm tình xoay quanh vấn đề về hôn nhân và gia đình.

Mọi chi tiết về kỳ trại cũng như việc ghi danh sẽ thông báo cụ thể tại Hội thánh. Vì cơ sở mượn có chỗ ngủ hạn chế, nên những ai không ghi danh sẽ gặp khó khăn trong việc sắp xếp chỗ ngủ.

Từ ngày 1 đến 6-08: Đại hội Tin lành Việt nam-Âu châu lần thứ 26.

Đại hội Âu châu lần thứ 26 sẽ được tổ chức tại Jugendgästehaus, Lehrter Straße 68, 10557 Berlin (nước Đức), từ ngày 01 đến trưa ngày 06-08-2010.

-Chủ đề cho Đại hội năm nay là: **Ta sẽ sai ai đi**, dựa theo câu gốc trong E-sai 6:8. *Đoạn, tôi nghe tiếng Chúa*

phán rằng: Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho chúng ta? Tôi thưa rằng: Có con đây; xin hãy sai con.

Mọi chi tiết về diễn giả Đại hội cũng như chương trình tổng quát có ghi trong cuốn *Cẩm nang Đại hội*:

<http://www.tinlanhauchau.com/daihoi2010/maindh26.htm>

Yêu cầu của ban tổ chức là phải ghi danh và đóng tiền trước ngày 30-5.



Suy gẫm:

Chớ làm buồn

Đức Thánh linh

Đức Thánh Linh ngự vào lòng chúng ta khi nào? Những điều nào làm buồn Đức Thánh Linh? Khi lỡ phạm tội, Ngài có còn ở với chúng ta hay lia bỏ chúng ta? Đây có lẽ là một trong nhiều thắc mắc của con cái Chúa khi nói đến Đức Thánh Linh. Nhân kỷ niệm Lễ Ngũ Tuần năm nay, chúng ta cùng nhau tìm hiểu đôi điều về Đức Thánh Linh, Đấng đang ngự trong lòng mỗi người.

Đức Thánh Linh trong thời Cựu Ước

Trong thời Cựu Ước, Đức Thánh Linh chỉ ban cho một số người thật sự đặc biệt, ví dụ nhà tiên tri, vua, một người khôn ngoan đặc biệt nào đó hoặc một nhân vật tài hoa về nghệ thuật: *Ta đã làm cho người đầy dẫy Thần của Đức Chúa Trời, sự khôn ngoan, sự thông sáng, và sự hiểu biết để làm mọi thứ nghề thợ, dựng bày ra và chế tạo đồ vàng, bạc và đồng, dựng khắc và khảm ngọc, đẽo gỗ và làm được mọi thứ nghề thợ.*(Xuất 31:3,4), chứ không

phải ban cho hết thầy mọi người cách phổ quát. Nói chung thì Đức Thánh Linh chỉ được ban cho những con người đặc biệt để thực hiện những công tác đặc biệt, và cũng không được ban cho thường xuyên. Khi vua Sau-lơ được ông Sa-mu-ên xúc dầu làm vua thì Thần của Đức Chúa Trời ngự trên ông, nhưng sau khi ông phạm tội thì đặc ân ấy đã chuyển sang Đa-vít. Thần của Đức Chúa Trời đã cảm động Đa-vít và Đức Giê-hô-va lia khỏi Sau-lơ (xem ISa-mu-ên 16).

Đức Thánh Linh trong thời Tân Ước
Khác với thời Cựu Ước, trong thời Tân Ước Đức Thánh Linh không giới hạn trong một số người đặc biệt, nhưng được ban cho tất cả những ai tin nhận Chúa Giê-xu. Sứ đồ Phao-lô nói trong Rô-ma 8:14: *Vì hết thầy kẻ nào được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dắt dẫn, đều là con của Đức Chúa Trời.*

Và ông nói tiếp: *Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng: A-ba! Cha!* (Ga-la-ti 4:6).

Hai câu Kinh Thánh ấy cho biết rằng khi tất cả chúng ta đã là con của Đức Chúa Trời, thì hết thầy đều được Đức Thánh Linh ngự vào lòng không trừ một ai cả.

Nhiều người nghĩ rằng chỉ có Mục sư hoặc ban chấp sự hoặc nhân sự nòng cốt của Hội Thánh mới có Thánh Linh ngự trong lòng. Nếu như vậy thì chẳng lẽ trong Hội Thánh chỉ có một số ít người thuộc về Chúa thôi sao, vì Kinh Thánh cho chúng ta biết ai không được Thánh linh dắt dẫn thì không phải là con của Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Linh không phân biệt đôi xử, Ngài sẵn sàng ngự vào lòng tất cả, không trừ một ai, tuy nhiên nhiều người không biết vì không chịu đọc Lời Chúa để thấy những lời hứa của Đức Chúa Trời qua từng trang Kinh Thánh. Hoặc những người chỉ sống với cảm giác, họ nghĩ rằng mình không cảm thấy gì cả nên suy ra không có Thánh Linh trong lòng. Hoặc khi cảm thấy vui vẻ, bình an và mạnh mẽ, thì nghĩ là Thánh Linh đang ngự trong lòng, nhưng nếu lòng họ trống rỗng và buồn bã, thì lại nghĩ rằng Thánh Linh chẳng hề ngự trong họ, hay Ngài đã lia bỏ họ mà đi rồi. Thật là mâu thuẫn, trong khi Chúa dạy hãy bước đi trong đức tin không hề thay đổi thì chúng ta lại sống với cảm giác hay bị đánh lừa.

Nhiều người khác không biết được Đức Thánh Linh đang ngự trị trong họ vì bức màn tội lỗi đã ngăn cách. Các tội lỗi không chịu xưng ra đã làm gián đoạn mối tương giao của họ với Đức Chúa Trời. Mặc dầu vậy, Thánh Linh vẫn ở trong họ, nhưng Ngài đã bị buồn lòng và quyền năng Ngài bị ngăn trở nên không thể hiển hiện rõ ràng được. Ê-phê-sô 4:30 chép: *Đừng làm buồn Thánh Linh của Thượng Đế, vì cho đến ngày Cứu Chuộc, Thánh Linh trong lòng anh em là bằng chứng anh em thuộc về Chúa.*

Chúng ta có thể làm buồn Đức Thánh Linh bằng nhiều cách, Ê-phê-sô 4: 25-32 cho thấy những tội làm buồn Thánh Linh như: nói dối, nóng giận, trộm cắp, nói tục tữ, nói bậy bạ, nói tiếu lâm thô bỉ, cay đắng, giận dữ, thù oán, đồn huỷ, đùa cợt, không có lòng

nhân từ, không tha thứ, không yêu thương, gian dâm, ô uế, tham lam, tất cả những điều xấu xa gian ác có thể phạm trong nơi kín đáo, say sưa, v.v

Danh sách trên không phải là tất cả, nhưng có thể nói tất cả những gì bất khiết đều làm buồn Đức Thánh Linh vì Ngài là Đấng thánh khiết.

Như vậy chúng ta ai cũng rất dễ làm buồn lòng Thánh Linh, nhưng có một điều chúng ta cần biết là những lúc ấy, Đức Thánh Linh vẫn không lìa khỏi chúng ta như trong thời Cựu Ước, vì kể từ ngày lễ Ngũ Tuần đến nay, Ngài được ban cho để ngự trong lòng chúng ta mãi mãi.

Nếu khi chúng ta phạm tội mà Đức Thánh Linh lìa khỏi thì ai là người còn có Đức Thánh Linh trong lòng? Vì có ai trong chúng ta dám nói rằng chúng ta không hề phạm tội? Và nếu tất cả đầy tớ con cái Chúa không ai là người không phạm tội thì chẳng lẽ không còn ai là người được Đức Thánh Linh ngự trong lòng hay sao?

Thật ra nếu chúng ta có phạm một tội nào đó, Ngài sẽ không lìa khỏi chúng ta, mà Ngài sẽ cáo trách chúng ta về tội ấy. Nếu chúng ta làm buồn Thánh Linh, chúng ta sẽ nhận lấy hậu quả là bị mất cả quyền năng, niềm vui, lẫn mối tương giao với Đức Chúa Trời. Có lẽ trong chúng ta ai cũng có kinh nghiệm là khi phạm tội, chúng ta sẽ buồn bã, lo lắng, bất an và không dám cầu nguyện với Chúa.

Đức Chúa Trời là Đấng ban quyền tự do chọn lựa cho con người và Ngài luôn tôn trọng quyền tự do ấy, ngay khi chúng ta chọn việc phạm tội thay vì vâng theo ý chỉ của Ngài, Ngài

cũng không bỏ chúng ta mà chỉ buồn lòng tạm hoãn hoạt động của Ngài trong lòng chúng ta và cắt đứt sự tương giao với chúng ta. Từ đó trở đi, quyền năng của Thánh Linh không còn được biểu hiện qua chúng ta nữa, chúng ta trở thành bất lực trước sự cám dỗ trong cuộc sống và sẽ bị thất bại này tiếp sau thất bại khác.

Nhiều người khi phạm tội như vậy thay vì ăn năn xưng tội thì lại đánh đổi với Chúa bằng những của dâng nhiều hơn, bằng việc đi nhà thờ nhiều hơn, bằng việc phục vụ nhiều hơn v.v. Với suy nghĩ những việc làm như vậy sẽ từng bước xoá đi tội lỗi đã phạm. Xin đừng ai tự dối mình mà hãy xưng tội ngay với Chúa để nhận sự tha thứ như Lời Ngài đã hứa: *Nhưng nếu chúng ta xưng tội với Chúa, Ngài sẽ giữ lời hứa tha thứ chúng ta và tẩy sạch tất cả lỗi lầm chúng ta, đúng theo bản tính công chính của Ngài* (IGiăng 1:9).

Khi chúng ta nhận biết tội lỗi, xưng ra và từ bỏ thì được tha tội và quyền năng của Đức Thánh Linh lại tiếp tục hành động trên chúng ta, niềm vui sẽ đến với chúng ta, chúng ta tiếp tục sống một cuộc sống đắc thắng. Nhưng hãy cẩn thận, đừng khinh lờn sự nhân từ của Ngài mà tiếp tục phạm tội cách thoả mái vì cho rằng chỉ cần xưng tội ra là Ngài lại tha thứ. Những ai nghĩ như vậy xin hãy cẩn thận xét lại niềm tin của mình xem đã thật sự tiếp nhận Chúa hay chưa, vì không một ai nhận biết tình yêu của Chúa đối với mình mà lại sống với Chúa như vậy cả.

Như một em bé tập đi, chắc chắn phải té ngã, nhưng mỗi ngày sẽ bớt té để có thể đi lại vững vàng. Nếu một em bé

cứ té hoài ngày này qua tháng nọ, thì chúng ta cần phải xem lại đôi chân của bé có thể có vấn đề. Chúng ta cũng vậy, cuộc sống không tránh khỏi phạm tội, nhưng trên linh trình theo Chúa, mỗi ngày sẽ bớt phạm tội hơn, dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, mỗi ngày chúng ta sẽ nhạy bén với tội lỗi hơn, từ đó cuộc sống của chúng ta sẽ ngày một giống Chúa hơn, để rồi đến ngày cuối cùng, chúng ta đạt được tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Christ (Ê-phê-sô 4:13).

Phút ngẫm suy

Kỷ niệm Lễ Đức Thánh Linh giáng lâm hôm nay, xin Chúa cho chúng ta lắng lòng trong giây lát để tự xét lấy mình, tự soi mình qua tấm gương Lời Chúa, để xem thử chúng ta có đang làm buồn Đức Thánh Linh chăng? Nếu có, xin hãy cúi đầu ăn năn, xưng tội và lìa bỏ ngay để nhận được sự tha thứ và phục hồi quyền năng của Đức Thánh linh, để cuộc sống được đắc thắng, vui mừng, bình an và phước hạnh.



Nguyễn Lê

Tìm hiểu:

TÁM LÒNG CON NGƯỜI.

Đại thi hào Nguyễn Du ngày xưa đã từng nói về tám lòng con người như sau: Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Tâm, tức là tám lòng. Có tài rất quý, nhưng tâm lại quý nhiều lần hơn tài. Điều đó chứng tỏ Tâm hay Tám lòng con người rất là quan trọng. Con người có thể có tài trí, giỏi giang, đẹp đẽ, nhưng nếu thiếu một tám

lòng tốt thì con người đó cũng bỏ đi thôi, không được ai tin dùng cả. Biết bao câu nói của ông bà ta đã nói về tám lòng con người mà có lẽ không mấy ai trong chúng ta không thuộc.

Lòng người khó ai hiểu được:

Dò sông dò biển dễ dò

Nào ai láy thước mà đo lòng người.

Nói đến một tám lòng vững vàng, kiên định, không lay chuyển trước mọi áp lực, ông bà ta có câu:

Dù ai nói ngả, nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Chúng ta có thể biết người, biết mặt, nhưng không ai có thể biết được trong sâu thẳm của lòng con người:

Hoạ hổ, hoạ bì, nan hoạ cốt

Tri nhân, tri diện, bất tri tâm.

Các thi nhân cũng nói rất nhiều về tám lòng con người. Đại thi hào Nguyễn Du nói về sự nham hiểm của lòng con người thật khó lường được:

Bề ngoài thơn thớt nói cười.

Mà trong nham hiểm giết người không dao.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương có bài thơ *Bánh trôi nước* như sau:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dù tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Cuộc đời dù có bầm dập đến đâu đi nữa, nữ sĩ cũng cương quyết giữ một tấm lòng son, không để tâm hồn mình bị vẩn đục, không để hôi tanh mùi bùn.

Thi sĩ Xuân Diệu có mấy câu thơ rất hay nói đến sự tiếc nuối của một tình yêu đầy ấp cho đi mà không đúng đối tượng:

Lòng ta là một cơn mưa lũ

Lại gặp lòng em là lá khoai.

Thật uổng phí biết bao cho một tình yêu rất tha thiết, rất nồng cháy, rất dữ dội (một cơn mưa lũ, chứ không phải

một cơn mưa bình thường), nhưng đối tượng được nhận lại hứng hờ, hời hợt, vô tình, không biết đón nhận (như nước đổ lá khoai).

Nguyễn Bính thi nhân cũng có bài thơ *Em với anh* nói về hai tấm lòng trái ngược nhau với những hình ảnh thật ấn tượng:

*Lòng em như quán bán hàng
Dừng chân cho khách qua đường mà thôi*

*Lòng anh như mảng bè trôi
Chỉ về một bến chỉ xuôi một chiều.*

*Lòng anh như biển sóng cồn
Chứa muôn con nước nghìn con sóng dài*

*Lòng em như chiếc lá khoai
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.*

*Lòng anh như hoa hương dương
Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời
Lòng em như cái con thoi*

Thay bao nhiêu suốt mà thoi vẫn lành.

Kinh Thánh cũng nói rất nhiều đến tấm lòng con người. Lòng con người thật gian dối, khó lường kể từ khi con người phạm tội xa cách Đức Chúa Trời là Cha thiêng liêng của mình: *Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa: ai có thể biết được?* (Giê-rê-mi 17:9).

Chúa Giê-xu khi nói về tấm lòng con người tội lỗi chúng ta, Ngài phán: *Vi từ nơi lòng mà ra những ác tưởng, những tội giết người, tà dâm, dâm dục, trộm cướp, làm chứng dối, và lộng ngôn.* (Ma-thi-ơ 15:19).

Con người từ khi phạm tội với Đức Chúa Trời thì lòng họ trở nên xấu xa, ô uế, đáng kinh tởm, và con người đã tìm mọi cách như tu thân, tích đức mong cải thiện được phần nào tấm lòng xấu xa của mình, nhưng tất cả đều không thể được, vì con người không đủ sức để thắng hơn sự xấu xa

và ác độc của ma quỷ đang cai trị trong tâm lòng.

Cách duy nhất để thay đổi được tấm lòng con người từ chỗ xấu xa đến chỗ tốt đẹp, đó là tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Chúa, làm Chủ đời sống mình. Chỉ có Chúa mới biến đổi được tấm lòng của con người mà thôi, vì chính Ngài đã dựng nên chúng ta. Lời Chúa phán: *Ta sẽ ban lòng mới cho các ngươi, và đặt thần mới trong các ngươi. Ta sẽ cắt lòng bằng đá khô thịt các ngươi, và ban cho các ngươi lòng bằng thịt.* (Ê-xê-chi-ên 36:26). Lòng chúng ta cần phải có Chúa ngự trị, Ngài mới biến đổi trở nên tốt đẹp được. Và lòng đó cần phải được đầy lời của Ngài thì mới được thanh sạch và khôn ngoan: *Tôi đã giấu lời Chúa trong lòng tôi. Để tôi không phạm tội cùng Chúa.* (Thi-thiên 119:11) *Nguyễn xin lời của Đấng Christ ở đầy trong lòng anh em, và anh em đừng dặt mọi sự khôn ngoan.* (Cô-lô-se 3:16).

Tấm lòng con người rất quan trọng, vì các nguồn sự sống đều ra từ đó, nên con người rất cần phải giữ gìn cẩn thận tấm lòng của mình: *Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết.* Vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra. (Châm-ngôn 4:23).

Tôi nhớ ca sĩ Khánh Ly có lần đã nói đại ý rằng: Con người sống ở đời cần phải có một tấm lòng. Đó là một câu nói rất đáng để ý, nhưng theo tôi, có một tấm lòng thôi chưa đủ, tấm lòng đó cần phải được trao cho một đối tượng đáng tin cậy làm chủ thì con người mới có phước hạnh thật sự. Đối tượng đáng tin duy nhất của con người chắc chắn không ai khác hơn là Chúa Giê-xu, vì Ngài là Đấng Tạo Hoá và cũng là Đấng Cứu Thế chúng ta.

Chúa Giê-xu đang tha thiết gọi mời những ai chưa có tấm lòng được biến

đổi bởi Ngài, hãy đến với Ngài, Ngài sẽ ngự vào lòng người ấy và thay đổi tận gốc rễ tấm lòng của họ. Ngài phán: *Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy, ăn bữa tối với người, và người với ta.* (Khải-huyền 3: 20).

Tôi mong bạn hãy mở cửa lòng mình ra mời Chúa Giê-xu ngự vào ngay hôm nay để được Ngài ban cho tấm lòng mới - một tấm lòng thanh sạch, bình an, vui vẻ và ngập tràn phước hạnh.

Mong chờ bạn sớm đến với Chúa Giê-xu- Đấng duy nhất có quyền năng thay đổi tấm lòng con người chúng ta.

Nguyễn Đình Bùi Thị



Tham khảo:

Tính Nhất Quán

John Maxwell, Mục sư, tiền sĩ, tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng về thuật lãnh đạo, sau nhiều năm phục vụ trong Hội thánh cũng như những công tác xã hội khác, đã rút ra kết luận rằng, lãnh đạo là gây ảnh hưởng. Và ông cho rằng mọi người đều có sẵn trong mình những khả năng lãnh đạo nhất định, vấn đề là chúng ta có phát triển chúng lên hay không.

Dưới đây chúng tôi xin trích đăng một phần trong cuốn Phát triển kỹ năng lãnh đạo của ông để giới thiệu cùng bạn đọc

Từ điển định nghĩa "integrity" là tình trạng trọn vẹn và thống nhất. Khi tôi đạt Integrity thì lời nói và hành động của tôi là một. Tôi là tôi dù tôi đang ở đâu hay đứng cạnh ai đi chăng nữa.

Thật buồn là ngày nay integrity đã trở thành thứ hàng hóa xa xỉ. Những tiêu chuẩn đang bị phá vỡ trong một thế giới chỉ tập trung theo đuổi sự thỏa mãn cá nhân và tham vọng nhanh chóng.

Trong đơn xin việc có một câu hỏi "bạn đã bị bắt giam bao giờ chưa?" người xin việc trả lời "không" vào ô trống. Câu hỏi tiếp là vì sao? không nhận ra rằng mình không phải trả lời phần này, ứng viên "thành thực" và khá ngô nghê này đã viết: tôi đoán vậy bởi vì tôi chưa bao giờ bị bắt.

Trong một bộ phim hoạt hình của của Jeff Danziger có cảnh một chủ tịch của công ty thông báo với nhân viên của mình: "Các bạn thân mến, thủ thuật kinh doanh của chúng ta là sự trung thực". Một phó chủ tịch chen vào "tuyệt vời". Một phó chủ tịch khác lại chen vào "nhưng quá mạo hiểm."

Còn đây là một câu chuyện hài khác. Hai tù nhân trung niên nói chuyện với nhau. Một người quay sang người kia và nói "tôi nghĩ việc chúng ta tham nhũng vẫn phù hợp với xã hội chứ".

Dù ở nhà trắng, lầu năm góc, đồi Capital Hill, nhà thờ, đấu trường thể thao, học viện, thậm chí ngay cả trung tâm chăm sóc trẻ em cũng đều có các vụ bê bối xảy ra. Trong mọi trường hợp sự bất tín nhiệm đều bắt nguồn từ sự thiếu nhất quán trong mọi lời nói và hành động cá nhân của các tổ chức cơ quan này.

Một người có tính nhất quán nghĩa là người ấy không sống hai mặt hay giả dối. Những ai có tính chất nhất quán là những người toàn vẹn. Với tính chất này, họ không có gì để che giấu hay sợ sệt. Cuộc sống của họ nhưng những cuốn sách mở sẵn. Nhà văn , họa sỹ V.Gilbert Bee nói rằng:"Người có tính nhất quán là người đã xây dựng cho mình một hệ thống mà dựa trên giá trị mà xã hội đã công nhận".

Hệ thống giá trị là một phần không thể tách khỏi bản thân chúng ta. Nó là hệ thống dẫn đường, thiết lập những ưu tiên trong cuộc sống chúng ta và quyết định chúng ta chấp nhận hay không chấp nhận điều gì .

Con người ai cũng có những mong muốn đầy mâu thuẫn. Tính nhất quán là yếu tố quyết định cái nào sẽ thắng thế. Có những tình huống cuộc sống hằng ngày buộc chúng ta quyết định những gì chúng ta muốn làm. Và những gì nên làm. Tính nhất quán thiết lập nên những nguyên tắc nền tảng giúp chúng ta giải quyết những mâu thuẫn này .

Tính nhất quán gắn kết các yếu tố tạo nên con người chúng ta và nuôi dưỡng chúng ta sự mãn nguyện. Nó không cho phép lời nói của chúng ta chống lại trái tim chúng ta. Tính nhất quán cho phép ta quyết định ta sẽ là ai bất chấp hoàn cảnh, những người liên quan, hay những nơi chúng ta trải qua thử thách .

Tính nhất quán không chỉ vạch ra ranh giới giữa hai mong muốn, mà còn là nhân tố cốt lõi phân biệt một người hạnh phúc và một người bị phân tán tư tưởng. Nó sẽ giải phóng chúng ta biến chúng ta trở thành con người toàn vẹn bất chấp mọi điều diễn ra.

Nhà triết học Socrates nhắc nhở chúng ta muốn trở thành vĩ nhân, chìa khóa đầu tiên là chúng ta hãy thể hiện đúng con người của mình. Hãy là một nhà soạn nhạc tấu lên những khúc nhạc hay hài hòa giữa lời ca và điệu nhạc .

Nếu những gì tôi nói và làm giống nhau tôi sẽ thu được kết quả tương xứng. Ví dụ: tôi nói với nhân viên hãy

đi làm đúng giờ, nghĩa là: tôi đến cơ quan đúng giờ. Thì: nhân viên sẽ đi làm đúng giờ. Tôi nói nhân viên hãy có tinh thần tích cực, nghĩa là: tôi thể hiện thái độ làm việc tích cực, thì : họ sẽ trở nên tích cực. Tôi nói nhân viên khách hàng là số một, nghĩa là: tôi đặt khách hàng ở vị trí trọng nhất thì: họ sẽ đặt khách hàng ở vị trí trọng nhất.

Nếu những gì tôi nói không nhất quán, kết quả sẽ trái ngược. Ví dụ: tôi yêu cầu nhân viên đi làm đúng giờ, nhưng tôi đến cơ quan muộn thì một số đi làm đúng, một số đi làm muộn. Tôi yêu cầu hãy có thái độ tích cực nhưng: tôi có thái độ bị động thì một số nhân viên tích cực, còn lại bị động.

Có đến 89% những gì chúng ta học là từ thị giác, 10% thính giác còn lại 1% từ các giác quan khác. (Tính nhất quán phản ứng hành động ít hơn phản ánh bản chất của chúng ta). Vậy nên nhân viên thấy hành động và lời nói của nhà lãnh đạo nhất quán với nhau, thì họ càng nhất quán và trung thành với nhà lãnh đạo đó. Họ hiểu những gì họ lắng nghe và tin những gì họ thấy.

Đừng khích lệ nhân viên bằng mảnh khoe. Những gì mọi người cần không phải một khẩu hiệu để nhìn mà là một hình mẫu để noi theo...

Bạn càng được mọi người tin cậy, bạn càng có đặc quyền gây ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. (Hình ảnh là những gì mọi nghĩ về chúng ta. Sự nhất quán là bản chất của chúng ta).

Nhiều nhà lãnh đạo đã tham gia các hội nghị của tôi hỏi rằng: anh có thể cho tôi những lời khuyên gì để thay đổi công ty của mình. Tôi trả lời: mục

tiêu của tôi khiến quý vị thay đổi, như tôi đã nói mọi thành bại đều bắt nguồn từ lãnh đạo. Bí quyết để mọi thứ luôn phát triển là tính nhất quán. Nhưng vì sao tính nhất quán lại quan trọng đến vậy? (Còn tiếp)



John Maxwell

Giải nghĩa Kinh thánh:

Sa-bát: "ngày yên nghỉ."

(Tiếp theo số trước)

2. Trong đời Đấng Christ. Trong Tân Ước chú trọng đến ngày Sa-bát lắm. Bất luận cách nào người Do-thái có thể sai lầm về ngày Sa-bát, nhưng không thôi giữ ngày đó. Không cứ đi đâu, sự nghiêm giữ ngày Sa-bát vẫn là một dấu rất rõ, tỏ ra người là thuộc dân Do-thái-giáo. Lối Đấng Christ giữ ngày Sa-bát là một việc chính trong đời Ngài mà những kẻ thù nghịch là phe Pha-ri-si hết sức rình để chỉ trích. Họ đã đặt ra nhiều cấm lệ về ngày Sa-bát mà thật không có trong luật đó. Trong số cấm lệ đó có nhiều điều kỳ khôi và độc đoán như về số "những gánh nặng nề và buồn thảm phải mang" mà những kẻ giải nghĩa Luật pháp sau "đã đặt trên vai loài người" so Ma-thi-ơ 12:1-13; Giăng 5:10). Trong đời Chúa, sự bại hoại ngày Sa-bát đã trở nên rất thường, ấy được tỏ ra trong cả những sự phản đối về công việc Ngài trong ngày đó, và cả về cách Ngài cư xử trong các dịp mà người rình xem chắc chắn sẽ phản đối.

Vậy, ta thấy phe Pha-ri-si tố cáo Chúa Giê-xu, vì Ngài chữa lành người bệnh trong ngày Sa-bát; dẫu nếu bò, lừa, hay chiên sa xuống hố ngày đó, mà họ kéo lên khỏi lập tức thì không kể là trái luật

pháp. Họ cũng dẫn súc vật ra ngoài suối cho uống trong ngày đó cũng như trong những ngày thường (Ma-thi-ơ 12:9-13; Mác 3:2; Lu-ca 13:10-17). Khi những môn đồ Chúa trong ngày Sa-bát đi qua đồng lúa mì bứt mấy bông, tuốt trong bàn tay mà ăn vì đang đói, những người Pha-ri-si tố cáo dường như là gặt, quặt, và giã lúa vậy. Chúa đáp lại: "Vì loài người mà lập ngày Sa-bát, chớ không phải vì ngày Sa-bát mà dựng nên loài người" (Mác 2:23-28). Ngày Sa-bát được lập lên là ích cho loài người, những sự bó buộc ngày đó cứ có trong khi người còn cần dùng như trong cuộc tạo thành và Con Người không phải là tôi mọi, song "làm chủ ngày Sa-bát."

3. Trong đời các Sứ đồ. Các thư tín Tân Ước, chỉ trừ một vài chỗ, đều yên lặng về vấn đề ngày Sa-bát. Các Sứ đồ chẳng bao giờ đặt luật lệ giữ ngày Sa-bát, không bao giờ tố cáo sự phạm ngày đó, và trong những danh sách kẻ phạm pháp không gồm lại những người phạm ngày Sa-bát. Cô-lô-se 2:16,17 dường như là một cơ xác đáng để hủy bỏ ngày Sa-bát trong thời đại Tin lành; câu Hê-bơ-rơ 4:9 có lẽ cũng chỉ bóng về sự yên nghỉ ngày Sa-bát. Ngày các nhà hội Do-thái-giáo thờ phượng là ngày thứ bảy trong tuần lễ (Ma-thi-ơ 12:9,10; Công vụ các sứ đồ 13:14). Hội Thánh Đấng Christ trong đời các Sứ đồ lập từ ban đầu nhóm họp thờ phượng ngày thứ nhứt của tuần lễ, là ngày Đấng Christ sống lại từ trong kẻ chết, vì sự xưng công bình của chúng ta (Công vụ các sứ đồ 2:1; và có lẽ 20:7). Ngày đầu tuần lễ đó, Phao-lô chỉ dẫn cho người tín đồ ở hội Ga-la-ti và Cô-rinh-tô quyền tiền giúp Hội Thánh (I Cô-rinh-tô 16:1,2). Ngày thứ nhứt đó được gọi là "ngày của Chúa" (Khải Huyền 1:10). Ngày nay, giống sự chỉ

định trước về ngày thứ bảy, biệt riêng cả ngày trong số bảy ngày để làm ngày Sa-bát cho Chúa. Ngày đó cũng nhắc lại sự Chúa cứu chuộc dân Ngài. Sau lại có chứng cứ Chúa ban phước cho ngày này về phần vật chất và thuộc linh.

4. Trong Hội Thánh đầu tiên. Khi nhớ những đài kỷ niệm của Hội Thánh đầu tiên còn lại, ta cũng được chỉ dẫn ý kể trên. Lại nữa, đối với những tín đồ đầu tiên, dường như không lẫn lộn sự giữ "ngày của Chúa," là ngày đầu tuần lễ, với ngày Sa-bát Do-thái-giáo. Có khi các giáo phụ đầu tiên nói đến ngày của Chúa, vì so sánh với ngày Sa-bát. Chiếu chỉ cấm xử án trong ngày của Chúa bởi Constantin, có lẽ vì muốn cho ngày đó của các tín đồ Đấng Christ ngang sự tôn trọng với các ngày lễ của người ngoại đạo, hơn là có ý chỉ về ngày Sa-bát hoặc điều răn thứ tư. Song nhiều hoàng đế theo sau cấm nhiều việc khác mà ngày thường cho là vô tội. Bởi thế, và vì hay đọc điều răn thứ tư trong ngày Chúa nhật tại các nhà thờ, thì có tín đồ lẫn lộn ngày Sa-bát với ngày của Chúa, dầu vẫn khác nhau luôn, vì ngày Sa-bát theo luật pháp, và ngày của Chúa theo ơn điển. Vậy, trong Hội Thánh Đấng Christ, ngày của Chúa đã thế cho ngày Sa-bát của người Do-thái.



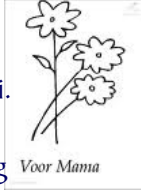
Dựa theo Thánh kinh tự điển của
Wm. C. Cadman

Nhân ngày lễ mẹ...

Nỗi Niềm

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ, ruột đau như dằm"
Nhớ ai bằng nhớ mẫu thân ?
Trái tim se thắt, cõi lòng rung rung.
Làm sao được phút tảo phùng

Để con bên mẹ cùng chung nguyện cầu
Nhớ khi gặp cảnh bể dâu
Mẹ nhờ lời Chúa ngọt ngào giải khuyên.
Cho con vơi nỗi ưu phiền
Sống trong tình chúa phước Thiên ngọt
bùi
Bây giờ mẹ đã đi rồi
Con xin chúc mẹ nước trời thỏa vui.
Mai sau cõi tạm xa rời
Con mừng gặp mẹ ở nơi thiên đàng
Là nơi nước Chúa bình an
Là nơi lòng chẳng bàng hoàng khổ đau.



Thái Trịnh



Tìm hiểu:

Những Nền Tảng Của Sự Cứu Rỗi: Thập Tự Giá Của Đấng Christ

Một số hình ảnh của Phao-lô về sự cứu rỗi: Các thư tín của Phao-lô giải thích một số phương diện của đức tin Cơ-đốc cho người đọc – thường trong những tình huống gây tranh cãi – và để khuyến khích áp dụng cho đời sống tín đồ. Do đó, không có gì ngạc nhiên khi Phao-lô thường đối diện với vấn đề tín đồ đạt được gì qua sự chết của Đấng Christ. Trong số những hình ảnh mà Phao-lô dùng trong khía cạnh này, chúng ta có thể xem bốn hình ảnh sau đây.

1. Nhận làm con (Adoption). Nhiều lần Phao-lô nói về Cơ-đốc nhân như là được "nhận làm con" vào trong gia đình của Đức Chúa Trời (Rô 8:15, 23; Ga 4:5). Ở đây Phao-lô đang đưa đến một thực tế pháp lý, thông thường trong văn hoá Hy-La (nhưng, thật thú vị, không được nhận biết trong luật pháp Do Thái truyền thống). Theo

hiều nhà giải nghĩa Phao-lô ở điểm này – như F. F. Bruce – nói về tín đồ đã được nhận vào trong gia đình của Đức Chúa Trời có nghĩa là tín đồ chia sẻ cùng quyền thừa kế như Chúa Jê-sus Christ, và vì thế sẽ nhận vinh hiển mà Đấng Christ đã đạt được (dù chỉ sau việc chia sẻ lần đầu trong sự chịu khổ của Ngài).

2. Sự xưng nghĩa (Justification) Phao-lô xác quyết rằng tín đồ đã được “xưng nghĩa qua đức tin” (Rô 5:1-2), đặc biệt là trong những thư tín đề cập đến mối quan hệ giữa Cơ-đốc giáo với Do Thái giáo (như Ga-la-ti và Rô-ma). Điều này được chấp nhận rộng rãi rằng nó ám chỉ đến một tình trạng pháp lý của tín đồ trong cái nhìn của Đức Chúa Trời, và sự bảo đảm tối hậu của họ về sự tha tội trước mặt Đức Chúa Trời, mặc dù họ đầy tội lỗi. Thuật ngữ “sự xưng nghĩa” và động từ “xưng nghĩa” tượng trưng cho “việc bước vào trong mối quan hệ đúng đắn với Đức Chúa Trời”, hoặc có lẽ “được làm cho công nghĩa trong cái nhìn của Đức Chúa Trời”. Phong trào Cải Chánh đã chứng kiến một cuộc tranh luận quan trọng về ý nghĩa của thuật ngữ sự xưng nghĩa, mà chúng ta sẽ xem ngay sau đây.

3. Sự cứu chuộc (Redemption). Ý nghĩa đầu tiên của thuật ngữ này là “phóng thích một người qua sự trả nợ”. Trong thế giới cổ đại là thế giới đóng vai trò như là cơ sở cho tư tưởng của Phao-lô, thuật ngữ này có thể được dùng để nói đến sự tự do của những tù nhân chiến tranh, hoặc nói đến sự đạt được tự do của những người đã tự bán mình làm nô lệ, thường để trả nợ cho gia đình. Ý tưởng cơ bản của Phao-lô dường như nói rằng sự chết của Đấng Christ đạt được sự tự do cho tín đồ, khiến họ

thoát khỏi tình trạng nô lệ cho luật pháp hoặc cho sự chết, để họ có thể trở thành nô lệ cho Đức Chúa Trời (1Cô 6:20; 7:23).

4. Sự cứu rỗi (Salvation). Thật quan trọng khi nhận ra những hình ảnh phong phú mà Phao-lô sử dụng để làm sáng tỏ và để hiểu những điều ích lợi mà Đấng Christ đã đạt được cho tín đồ. “Sự cứu rỗi” là một thuật ngữ như thế. Vì những lý do có thể hiểu được, thuật ngữ này thường được xem là quan trọng chính yếu, làm lu mờ những điều khác. Thực ra, thuật ngữ này có một loạt những sự kết hợp đặc biệt cần được hiểu. Khái niệm cơ bản đó là nó nói về sự giải thoát khỏi nguy hiểm hay phụ tù, bao gồm cả ý tưởng về việc được cứu khỏi căn bệnh tật chí tử nào đó. Những khái niệm như “chữa lành” và “tự do” có thể xem như được bao gồm trong thuật ngữ quan trọng này của Phao-lô. Như đã được nêu ra trước đây, Phao-lô xem sự cứu rỗi trong những chiều kích quá khứ (Rô 8:24), hiện tại (1Cô 1:18), và tương lai (Rô 13:11). Điều này có hàm ý quan trọng đối với sự hiểu biết lai thế về sự cứu rỗi.

Chúng ta vừa xem xét một số ngôn ngữ của Phao-lô về sự cứu rỗi, bây giờ hãy suy xét xem làm thế nào điều này được khám phá và được phát triển trong truyền thống thần học Cơ-đốc.

Sự thần hoá (Deification)

“Thần linh trở thành người để con người có thể trở thành Thần linh”. Điệp khúc thần học này có thể được xem là nền tảng cho sự suy tư cứu rỗi thực học của truyền thống Cơ-đốc đông phương, cả trong suốt thời kỳ giáo phụ lẫn trong những truyền thống thần học chính thống Nga và Hy Lạp hiện đại. Như câu trích dẫn gợi ý, có

một sự liên kết mạnh mẽ đặc biệt giữa giáo lý nhập thể và sự hiểu biết này về sự cứu rỗi. Đối với Athanasius, sự cứu rỗi cốt ở chỗ con người dự phần vào trong bản thể của Đức Chúa Trời. Ngôi Hai thần thượng này được truyền vào con người qua sự nhập thể.

Trên căn bản giả định về bản chất hoàn vũ của con người, Athanasius kết luận rằng Ngôi Hai không chỉ mang lấy sự hiện hữu một con người đặc biệt Jêsus Christ, nhưng là bản chất con người nói chung. Kết quả là, toàn thể loài người có thể chia sẻ sự thần hoá từ sự nhập thể. Bản chất con người được tạo dựng với mục đích là chia sẻ bản thể của Đức Chúa Trời; và qua sự giáng thể của Ngôi Hai, khả năng này cuối cùng đã đạt được.

Một tác giả Chính Thống hiện đại, người đã nhấn mạnh khái niệm thần hoá là tác giả người Nga Vladimir Lossky. Trong một bài viết năm 1953 về chủ đề “sự cứu chuộc và sự thần hoá”, Lossky trình bày sự hiểu biết Chính Thống đặc thù về mối liên hệ của sự giáng hạ của Đức Chúa Trời đến con người và sự thăng thượng theo sau của con người đến Đức Chúa Trời:

Sự giáng hạ (katabasic) của Thân vị thần thượng của Đấng Christ làm cho những thân vị phạm nhân có khả năng thăng thượng (anabasis) trong Thánh Linh. Điều cần thiết là sự tự làm cho thấp kém, tự làm cho trống không để cứu chuộc (kenosis) của Con Đức Chúa Trời phải xảy ra, để con người sa ngã có thể hoàn thành thiên hướng của họ về theosis, tức sự thần hoá của con người thọ tạo bởi ân điển phi thọ tạo. Vì thế công tác cứu chuộc của Đấng Christ—hoặc đúng hơn là, sự nhập thể của Ngôi Lời—được xem như

có liên hệ trực tiếp đến mục tiêu chung cuộc của tạo vật: biết sự liên hiệp với Đức Chúa Trời. Nếu sự liên hiệp này đã được hoàn tất rồi trong thân vị thần thượng của Con, tức Thần (Đức Chúa Trời) trở thành người, thì đến lượt mình mỗi người cần trở thành thần (đức chúa trời) bởi ân điển, hoặc trở thành “kẻ dự phần bản chất thần thượng”, theo sự diễn đạt của thánh Phi-e-rơ (2Phi 1:4).

Cần nêu ra sự phân biệt giữa ý tưởng thần hoá như là “trở thành Đức Chúa Trời” (theosis) và như là “trở nên giống Đức Chúa Trời” (homoiosis theoi). Ý niệm đầu, chủ trương bởi trường phái Alexandria, hiểu thần hoá như một sự liên hiệp với thực thể của Đức Chúa Trời; ý niệm thứ hai, chủ trương bởi trường phái Antioch, giải thích mối quan hệ của tín đồ với Đức Chúa Trời nghiêng về sự dự phần vào đặc tánh thần thượng, thường được hiểu là sự hoàn hảo về mặt đạo đức. Sự phân biệt giữa những phương pháp này thật tinh tế, và phản ánh những Cơ-đốc học khác nhau.

Trích trong cuốn *Đức tin và lịch sử*



của McGrath

Truyện dài:

Samuel Morris – Hoàng Tử Phi Châu.

(Tiếp theo và hết)

Những sự hành hạ mà Morris phải chịu ở Phi Châu khi bị làm con tin, những khổ cực khi ở trên con tàu lang thang đã làm yếu thể xác mỏng manh của cậu rất nhiều. Thêm vào đó, khí hậu Bắc Mỹ với những mùa đông dài, lạnh lẽo là một khung cảnh khác thường đối với một người

được sinh trưởng ở vùng nhiệt đới. Tuy vậy Morris vẫn đi nhóm đều đặn các buổi nhóm trừ ra mùa đông kinh khủng năm 1892-1893.

Mặc dù Morris không chống cự nổi cái lạnh mà cậu phải chịu, cậu vẫn theo học các giờ học đầy đủ. Nhưng sức cậu mòn dần. Cậu bị chứng thủy thũng và không thể giấu nổi rằng bị đau nặng. Khi bác sĩ Stemen khám xong thì cho đưa cậu vào bệnh viện Joseph. Dầu cậu là con của ông viện trưởng đi nữa, cũng không thể được chăm sóc chu đáo và tử tế hơn. Nhiều người thương yêu cậu và những người cậu đem phước hạnh đến cho, đã tới thăm cậu. Họ đem đến cho cậu những gì họ chứng minh lòng yêu quý của họ. Tình yêu cậu cho họ và tình yêu cậu nhận được thật khó đo được.

Lúc đầu Sammy không biết tại sao mình lại đau. Cậu nói: Mùa đông năm ngoái tai tôi bị tê cứng, tôi đau lắm. Tôi cầu xin Cha tôi và tôi hết đau ngay. Bây giờ tôi không khỏi bệnh, tôi chẳng hiểu được điều ấy.

Nhưng một hôm kia, các sinh viên đến thăm cậu Morris vui vẻ nói lại với họ rằng bây giờ cậu hiểu rõ rồi. Cậu nói: Tôi rất mừng. Tôi đã thấy các thiên sứ, chẳng bao lâu nữa họ sẽ đến rước tôi. Ánh sáng mà Cha tôi ở trên trời sai đến để cứu tôi khi tôi bị treo trên thập tự xưa ở Phi Châu, có một mục đích. Bây giờ tôi đã hoàn thành mục đích đó. Công việc của tôi trên đất này đã xong.

Tấn Sĩ Reade hỏi cậu về công việc lớn lao cậu định làm giữa đồng bào Phi Châu thì cậu đáp: Đó không phải việc của tôi. Đó là việc của Đấng Christ. Ngài phải chọn những

cộng tác viên của Ngài. Những người khác có thể làm việc tốt hơn tôi.

Bác sĩ Stemen ở ngay bên kia đường, ngang bệnh viện. Gần trưa ngày 12 tháng 5, bác sĩ đang cắt cỏ ngoài sân thì nghe có tiếng nói: Bác sĩ Stemen ơi, đừng làm việc mệt quá nhé. Ông nhìn lại thì thấy Morris ngó qua cửa sổ trong phòng bệnh viện. Hai người vẫy tay chào nhau. Morris rời cửa sổ ngã mình trên ghế còn bác sĩ tiếp tục làm việc.

Vài phút sau cô Helen trong bệnh viện đến báo cho bác sĩ Stemen và gia đình ông rằng Morris dường như hết hy vọng. khi bác sĩ Stemen đến nơi, cậu hoàng Phi Châu còn ngồi yên trên ghế, nhưng đã chết.

Mặt cậu mang một vẻ vui thỏa trang trọng như khi cậu hát bài Thánh Ca cậu ưa nhất:

Vui thú thế gian mau tàn

Giê-xu thuộc tôi

Dây vắn vương xưa ly đoạn

Chúa thuộc tôi rồi

Đồng vắng vườn hoang âm u

Không chốn nghỉ yên trọn đời

Duy Chúa ban ơn hộ phù

Chúa thuộc tôi rồi.

(Thánh ca số 298- câu I)

Cậu đã đi gặp Cha cậu trên trời, lặng lẽ y như đi chào mừng một trong những giáo sư yêu dấu của cậu vậy. Vị Thiên thần đen như mun đã nhập vào đoàn thiên thần của mọi thời đại và mọi chủng tộc.

Lớp cao đẳng ở đại học Taylor năm 1928 đã lo dựng đài kỷ niệm trên một ngọn đồi mà mỗi mùa xuân, mùa hạ đầy những hoa tươi đẹp nhất. Tấm bia có ghi những chữ:

Samuel Morris 1872 - 1893

*Hoàng Tử KABOO
Người Tây Phi Châu*

Sau cơn buồn thảm và kinh ngạc đầu tiên đã qua, ý nghĩa thật của cuộc đời và sứ mạng của Samuel Morris bắt đầu chiếu rọi trong đầu óc các giáo sư, sinh viên và bạn bè. Mục đích và chương trình của Đức Chúa Trời dành cho cậu khôn ngoan hơn và to lớn hơn các chương trình của họ. Tấn sĩ đã nói lên điều này khi ông viết:

Samuel Morris là một sứ giả thánh của Chúa sai đến đại học Taylor. Cậu nghĩ rằng cậu đến đây để sửa soạn mình cho sứ mạng của cậu đối với dân tộc cậu, nhưng cậu đã đến để chuẩn bị cho đại học đường Taylor sứ mạng của viện đại học này đối với cả thế giới. Nhờ cậu mà đại học này thấy được một khái tượng về nhu cầu của cả thế giới. Nhu cầu ấy không còn riêng của địa phương nào mà của cả thế giới.

Trong buổi cầu nguyện sau khi Morris chết, một thanh niên đã đứng lên nói: Bây giờ tôi cảm thấy tôi phải đi Phi Châu thay chỗ Morris, và tôi cầu nguyện rằng vì công tác của anh rơi lại trên tôi thế nào thì xin chiếc áo choàng đức tin của Morris cũng xuống trên tôi thế ấy. Ngay lúc ấy cũng có hai người noi gương xung phong đi Phi Châu. Những người này là các bậc tiền phong cho nhiều người noi theo nữa

Nhiều năm sau, khi Morris tới Nữ Ước, vị thuyền trưởng của con tàu lang thang đó đến Nữ Ước tìm Stephen Merritt. Khi ông này nói Morris đã đi đến nơi vinh quang trước 21 tuổi, thuyền trưởng xúc

động đến nỗi đứng lặng thính hồi lâu.

Sau đó ông ta nói rằng hầu hết thủy thủ vẫn còn làm với ông và ai ai cũng nóng lòng nghe tin người anh hùng và vị mục sư nhỏ bé kia. Ông bảo rằng Morris đã cầu nguyện lần đầu tiên mà ông được nghe trên con tàu của ông. Cậu đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ cho những thủy thủ chai lì, cộc cằn của ông. Thủy thủ bây giờ như anh em một nhà. Những gì Morris khuyên bảo đã hữu ích dài lâu.

Đối với riêng Mục Sư Stephen Merritt, thì ảnh hưởng của cậu bé da đen không nói nổi tiếng Anh kia đã kéo dài suốt cuộc sống của ông. Cậu chỉ ở trong nhà ông một tuần lễ tại Nữ Ước, thế mà đức tin mạnh mẽ của vị thiên thần đen như mun này tiếp tục làm phép lạ suốt đời Merritt. Sau khi Morris đi, ông Merritt đi đến các bệnh viện thần kinh cầu nguyện cho nhiều người và họ được bình phục, ông cũng đi thăm các nhà thương người bệnh và cầu nguyện cho họ được chữa lành. Trước khi lìa cõi đời, Stephen Merritt đã đem đến Thập Tự giá mười ngàn người.

Thật khó tưởng tượng nổi có Đại học Mỹ nào riêng cho sinh viên da trắng lại lấy tên một người da đen không một xu dính túi để đặt cho cơ sở Đại học của mình. Thế mà Đại học Taylor làm như thế. Vì ảnh hưởng lâu bền của Morris mà người ta đã công nhận tòa Nhà Kỷ niệm Đức tin Samuel Morris ngày nay là một đặc điểm tự nhiên và tất nhiên trong khu Đại học.

Điều này không phải chỉ biểu lộ tinh thần tôn kính ở Đại học. Cả thành phố Fort Warne, qua cuộc họp của hội đồng thành phố đã dự trù rằng một chương trình xây cất của thành phố dưới quyền giới chức gia cư Mỹ quốc sẽ mang tên là Sammy Morris. Như thế, ảnh hưởng của Morris còn tiếp tục chứng minh là một nguồn phần khởi và phước hạnh cho những người kém may mắn trong nhiều năm tới.

Ngày nay nhờ ảnh hưởng trường tồn cuộc đời đầy dẫy quyền năng Thánh Linh của Samuel Morris, hàng triệu tín hữu đã cảm thấy, và còn hàng triệu người khác nữa cũng sẽ cảm thấy lời thách thức sinh động của đức tin bất tử của Morris. Cuộc sống thành công ấy, và cái chết còn thành công hơn như thế, tiên báo cho chúng ta sự vĩnh cửu bất tử mà Đức Chúa Giê-xu đã tuyên bố: Người nào vì cơ ta mà mất sự sống mình thì sẽ được ở lại.

Các nhà nhờ có thể đóng, cửa các tín điều có thể qua đi. Đạo lý có thể đổi thay. Nhưng niềm tin đơn thành của con người phiêu lưu này không dựa trên các thứ ấy. Cậu đưa mọi người mặt đối mặt lần nữa với Đấng Christ đang sống là Đấng mà biết Ngài có nghĩa là yêu mến, và bước theo Ngài. Đó là bí quyết của thuật lãnh đạo không có tận cùng.

Mặc dù ai nghĩ gì về các phép lạ khác trong sách này, phép lạ chính trong cuộc đời Samuel Morris là phép lạ có thể được tái diễn trong đời sống mỗi độc giả. Quý vị không cần bị treo trên cây tréo có hình thập tự giá ở Phi Châu để được ánh sáng

thiên thượng tràn ngập linh hồn, để cho quý vị nâng quyền phụng sự Chúa. Quý vị chỉ cần đến đối diện với Chúa, với chính con người vô lực của mình để nhận ân điển và quyền năng của Ngài.

Chưa bao giờ người ta dễ công nhận con người cần đến Đức Chúa Trời như ngày nay, khi mà năng quyền hay tội ác thắng thế khắp các nước, sự thất bại của mọi phương thuốc loài người đem ra chữa bệnh cho thế giới đã phải nhường chỗ cho sự thay đổi biến cải trong bản chất của chính con người.

Thuật lãnh đạo thắng lợi của Samuel Morris là gương sáng cho mọi người già cũng như trẻ. Tuy nhiên tuổi thanh xuân của cậu, đức tin can trường và những công tác bất tử của cậu khiến cho tiểu sử này thành một cuốn chỉ nam cho thanh niên đang chuẩn bị giữ các vai trò lãnh đạo cho thế giới ngày nay.

Một đặc điểm quan trọng nhất của đời sống Morris là tất cả ảnh hưởng thuộc linh kỳ lạ của cậu thực hiện trong các công việc tầm thường ngoài đời. Cậu tìm thì giờ và dịp tiện đem các phước hạnh quý nhất đến cho người xung quanh mình trong khi cậu cực nhọc trong đồn điền, làm thợ sơn, làm bồi dưới tàu và về sau trong khi phải học thêm cho kịp các bạn sinh viên khác có nhiều giờ rảnh rỗi. Bất cứ bạn trẻ nào cũng có những cơ hội như vậy để phục vụ Chúa trong các cuộc tiếp xúc hàng ngày.

Hơn nữa cậu đặt để tấm lòng sốt sắng đạo đức vào công việc làm mỗi ngày, như khi chùi phòng cho thuyền trưởng, cũng như khi cậu nói

lời Chúa ra. Thế giới cần có nhiều tín đồ thực tế như vậy hơn. Những thời đại nóng cháy này là lò lửa để vàng của thuật lãnh đạo chân chính được thử rèn, luyện lọc và nổi bật lên một cách đặc thảng, công việc truyền Tin lành khắp thế giới và nền hòa bình của thế giới chờ đợi những nhà lãnh đạo mới được trang bị đầy tràn quyền năng ngự trị của Đức Chúa Trời nhờ sự dâng hiến hoàn toàn và đức tin trọn vẹn của một Samuel Morris. Những Samuel Morris ngày nay đâu cả? Đây là lúc dành cho những người của phép lạ mới...

Nguyên tác của Lindley J. Baldwin



Thay cho lời kết:

Làm sao cho được chịu Báp-têm bằng Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh làm những gì trong và qua Sammy Morris, thì Ngài cũng mong làm trong và qua mỗi người đã tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa và Chúa của mình. Ngài chỉ chờ đợi chúng ta dâng cả thân thể, hồn và tâm linh cho Ngài kiểm soát trọn vẹn. Nếu mỗi tín hữu Việt Nam đầy dẫy Đức Thánh Linh, thì chẳng bao lâu, chín mươi triệu linh hồn sẽ ăn năn tội lỗi và quay về với Đấng Christ.

Những ai chưa tin Đấng Christ thì chết trong tội lỗi. Nếu chúng ta chưa đầy dẫy Đức Thánh Linh mà làm chứng về Cứu Chúa cho họ, thì họ không hiểu được những lời ta nói. Chỉ khi nào nghe Đức Thánh Linh phán qua môi miệng chúng ta, họ mới có thể tin Đấng Christ và vượt khỏi sự chết mà

đến sự sống. (Giăng 5:24). Nếu tôi đầy dẫy Đức Thánh Linh, những người tôi làm chứng về Chúa cho sẽ nhờ môi giới của tôi mà được cứu rỗi. Nếu tôi không sẵn lòng trả giá để đầy dẫy Đức Thánh Linh luôn, thì tôi phải chịu trách nhiệm về mọi linh hồn có thể nhờ tôi mà được cứu rỗi, nhưng lại không được cứu rỗi.

Bây giờ chúng ta đứng trước câu hỏi thực tế này: Chúng ta làm thế nào để được đầy dẫy Đức Thánh Linh? Trong Kinh Thánh có nêu rõ con đường gồm sáu bước đơn giản mà ai cũng đi được nếu muốn. Quả thật, bất cứ người nào đi sáu bước này, đều sẽ được đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Cả sáu bước đã nêu rõ ở Công vụ các Sứ đồ 2:38 và mấy câu khác. Trước hết, ta hãy xem Công vụ các Sứ đồ 2:38: *Hãy ăn năn (nguyên văn), ai nấy phải nhận Danh Đức Chúa Jesus chịu báp-têm, để được tha tội mình, rồi sẽ lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh.*

1. *Ta thấy hai bước đầu trong danh từ ăn năn.* Ăn năn nghĩa là gì? Nghĩa là thay đổi tâm tưởng của mình. Thay đổi tâm tưởng của mình đối với gì? Đối với Đức Chúa Trời, Đấng Christ và tội lỗi. Đối từ thái độ chối bỏ Đấng Christ ra thái độ tiếp nhận Đấng Christ. Hãy tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa và Chúa của chính mình. Đó là bước thứ nhất đi đến báp-têm bằng Đức Thánh Linh.

2. *Bước thứ hai cũng thấy trong danh từ ăn năn.* Thay đổi tâm tưởng đối với Đức Chúa Giê-xu là ý nghĩ đầu tiên và trọng đại; song cũng còn phải thay đổi từ thái độ ham thích tội lỗi hoặc buông mình theo tội lỗi ra thái độ ghét và từ

bỏ tội lỗi. Đó là bước thứ hai, tức là từ bỏ hết thói tội lỗi.

3. *Ta thấy bước thứ ba ở trong cùng một câu này:* Ai nấy phải nhơn Danh Đức Chúa Giê-xu chịu báp têm, để được tha tội mình. Chỉ nhờ đức tin nơi Huyết Đấng Christ đổ ra mới được tẩy sạch tội lỗi; song sự đầy dẫy Đức Thánh Linh chẳng dành cho người nào âm thầm tin theo Đấng Christ; trái lại, dành cho người nào âm thầm tin theo Đấng Christ; trái lại, dành cho người nào công khai làm tín đồ Đấng Christ nhờ chịu báp têm bằng nước.

4. *Rõ ràng lắm, bước thứ tư gồm trong câu chúng ta vừa mới kê cứu* (Sứ đồ 2:38), nhưng được nêu rõ hơn ở Sứ đồ 5:32 Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài. Bước thứ tư là vâng lời.

Vâng lời nghĩa là gì? Không phải chỉ có nghĩa là làm một vài điều, hoặc nhiều điều, hoặc hầu hết mọi điều mà Đức Chúa Trời bảo chúng ta làm; song có nghĩa là hoàn toàn thuận phục ý chỉ Đức Chúa Trời. Ấy nghĩa là tôi đến cùng Đức Chúa Trời mà thưa rằng: Lạy Cha Thiên thượng, tôi đây luôn với mọi sự tôi có. Ngài đã trả giá chuộc tôi, và tôi nhìn nhận Ngài có quyền sở hữu tuyệt đối trên tôi. Xin Ngài nhận lấy tôi luôn với mọi sự tôi có, và xin sử dụng tôi tùy theo thánh ý của Ngài. Tôi tuyệt đối dâng mình cho Ngài luôn với mọi sự mình có một cách vô điều kiện và vĩnh viễn, để Ngài kiểm soát và sử dụng.

5. *Bước thứ năm thấy ở Luca 11:13*

Vậy nếu các người là người xấu, còn biết cho con cái mình vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời,

lại chẳng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài! XIN trong câu này là lời xin phát xuất từ ước muốn thành thật và nhiệt thành. Nếu ai còn nghĩ rằng mình không chịu báp têm bằng Đức Thánh Linh cũng chẳng sao, thì ai đó sẽ chẳng bao giờ được chịu báp têm ấy. Như vậy, bước thứ năm là XIN xin dứt khoát một ơn phước dứt khoát.

Sách Êsai 44:3 có rất nhiều ý nghĩa: Ta sẽ rót nước trên kẻ khát Ta sẽ đổ Thần Ta trên dòng dõi người. Khát nghĩa là gì? Khi người ta khát, thì chỉ có một tiếng kêu: Nước! Nước! Nước! Mỗi lỗ chân lông trong thân thể dường như nói được và kêu lên rằng: Nước! Cũng một thể ấy, khi lòng chúng ta kêu lên: Đức Thánh Linh! Đức Thánh Linh! Đức Thánh Linh! thì Đức Chúa Trời sẽ đổ mưa lụt trên đất khô, nghĩa là đổ Thần Ngài trên chúng ta. Thế thì chúng ta phải nóng nảy mong ước chịu báp têm bằng Đức Thánh Linh.

6. *Bước thứ sáu thấy ở Mác 11:24*

Mọi điều các người xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin đã (nhận) được, tất điều đó sẽ ban cho các người. Phải chiếm hữu các lời hứa của Đức Chúa Trời bởi đức tin. Có rất nhiều người chỉ vì không tin mà bị mất cái phước đầy dẫy Đức Thánh Linh này. Ngay khi cầu xin Đức Chúa Trời một ơn phước nào hợp theo ý chỉ Ngài, thì chúng ta có đặc quyền biết rằng lời cầu xin của mình được Ngài nghe, và ơn phước mà mình xin Ngài là thuộc về mình rồi.

Nếu chúng ta đã nhận Đức Chúa Jesus Christ làm Cứu Chúa và làm Chúa, đã

công khai xưng nhận như vậy do chịu báp têm bằng nước; nếu đã đem ý chí và bồn ngã hoàn toàn đầu phục Đức Chúa Trời; nếu thành thật mong ước tôn vinh một mình Đức Chúa Trời và được chịu báp têm bằng Đức Thánh Linh; - nếu đã làm trọn các điều kiện này thì bất cứ độc giả nào cũng có quyền cầu xin Đức Chúa Trời làm báp têm cho mình bằng Đức Thánh Linh. Khi đã dâng lên lời cầu xin như vậy rồi, thì có thể nói rằng: Lời cầu xin này đã được nhậm; tôi có ơn phước mà tôi đã xin; tôi đã chịu báp têm bằng Đức Thánh Linh. Đoạn, có quyền đứng dậy và đi làm công việc đất đem nhiều linh hồn quý báu đến cùng Đấng Christ, vì biết chắc chắn rằng trong công việc này, mình sẽ có quyền năng của Đức Thánh Linh.



Thơ:

Bông trái Thánh linh

Bông trái Thánh linh được nở đều,
 Đầu nguồn là trái của *thương yêu*,
 Vui mừng ví được ơn trong Chúa,
 Vạn sự *bình an* phước hạnh nhiều.
Nhịn nhục nhân từ nhớ ơn Cha,
Hiền lành trung tín chẳng cách xa,
Mềm mại một lòng theo ý Chúa,
Tiết độ giữ mình ngát hương hoa.
 Bông trái Thánh linh giấu trong lòng,
 Thời gian tô điểm ngắm càng xinh,
 Con đường tin kính nhiều ơn phước,
 Sáng ngời Danh Chúa Đấng hiển vinh.



Tam hải

Tìm hiểu:

Thái độ của Cơ đốc nhân đối với việc uống rượu.

(Tiếp theo kỳ trước)

Trên đây chỉ là phần tóm tắt những chứng cứ trong Cựu ước nói về những tác dụng cũng như tác hại của rượu, chẳng thể nào liệt kê hết ra đây. Cựu ước nhìn rượu như một trong những ân huệ tốt lành mà Thượng đế ban cho; đã không có chỗ nào đòi hỏi phải hoàn toàn kiêng cử rượu; Nhưng đã không hề có quyền sách nào lại ý thức rõ ràng hơn về các nguy cơ của nó, và không tiếc lời lên án việc lạm dụng nó.

Sau cùng, chúng ta quay sang phần chứng cứ của Tân ước. Trong Tân ước, số tài liệu không nhiều đến như vậy, nhưng chúng ta cũng gặp một thái độ như thế nói chung. Chính Chúa Giê-xu cũng không hoàn toàn kiêng cử rượu, thiên hạ còn có thể gièm pha Ngài, gọi Ngài là kẻ ham mê ăn uống. Phép lạ tại Ca-na trong xứ Ga-li-lê cho thấy Chúa Giê-xu sẵn sàng chia xẻ các niềm vui đơn sơ với mọi người nhân một tiệc cưới. Phao-lô có thể viết thư khuyên Ti-mô-thê: “*Đừng chỉ uống nước luôn; nhưng phải uống một ít rượu, vì có tì vị con, và con hay khó ở.*”

Nhưng trong Tân ước cũng có lời cảnh cáo nữa. Phao-lô bảo rằng: “*Đừng say rượu vì say sưa là phóng dãng*”. Khi Tân ước liệt kê tội lỗi, thì các tội lỗi mà Cơ đốc nhân không nên dự phần vào như ăn chơi, say sưa, chè chén thường xuất hiện trong số những điều bị cấm đoán. Có nhiều lần nạn say sưa chè chén xâm nhập cả vào Hội thánh và những Bữa ăn Yêu thương của Hội thánh và có nhiều kẻ bị kiện cáo là đã say sưa về đêm. Riêng những người có chức vị được cảnh cáo là không nên quá độ về

bất cứ phương diện nào: không nên giao du với kẻ say sưa, các bà lớn tuổi không nên nghiện rượu, các chấp sự không được làm nô lệ cho rượu, còn các giám mục thì không được say rượu.

Vậy trên đây là những chứng cứ trong Tân ước. Một lần nữa không có câu nào đòi hỏi phải hoàn toàn kiêng cử rượu, kể cả trong những lời nói của Chúa Giê-xu và những người đã từng theo Ngài. Như có lời cảnh cáo mạnh mẽ chống lại việc lạm dụng và nguy cơ của việc uống rượu. Trong trường hợp này chúng ta không có luật lệ hoặc quy tắc nào để dựa vào cả. Chúng ta phải tự đi tìm lấy kết luận.

Trước khi chúng ta bắt đầu đưa ra một quan điểm liên hệ đến vấn đề phải kiêng cử hoàn toàn, hay thái độ của Cơ đốc nhân đối với việc uống rượu, chúng ta cần lưu ý rằng đây là một vấn đề tương đối mới mẻ. Mới mẻ bởi vì cả Cựu ước và Tân ước đều không nêu lên vấn đề ấy, ngay cả những nhà cải chánh hay truyền thống Cơ đốc cũng không chống lại việc uống rượu.

Qua phần tìm hiểu về vai trò của rượu đối với đời sống con người cũng như tìm hiểu về những chứng cứ trong Kinh thánh, chúng ta thấy việc uống rượu thịnh hành trong mọi giai tầng xã hội chứng minh cách rõ ràng tính hấp dẫn của nó. Nó khiến người ta dễ khuây khỏa, làm thư giãn các căng thẳng và khiến bầu không khí xã giao được dễ dàng. Đôi khi nó được sử dụng làm thuốc như được trình bày trong phần trên và như điều Phao-lô khuyên Ti-mô-thê trong Kinh thánh.

Ngoài tính hấp dẫn của rượu, nó còn có những nguy hiểm rõ rệt. Tác dụng của rượu trên một con người là không thể lường trước được: một người có thể

uống rất nhiều rượu mà không hề có hậu quả xấu nào; người khác chỉ cần tí chút là đã say rồi; người khác nữa có thể uống dù chỉ một chút rượu vào cũng sẽ gây ra những hậu quả tàn hại. Tất cả những hậu quả ấy đều không thể tiên liệu được. Chỉ có việc thí nghiệm mới có thể cho biết một người sẽ phản ứng như thế nào. Và có thể nói rằng chính việc thí nghiệm đã mang theo nó một nguy cơ khiến cho việc thử làm thành ra một điều thiếu khôn ngoan.

Có nguy cơ uống quá độ. Khi người ta uống rượu thường không tự kiềm chế được mình, nhiều khi vui mà thách đố nhau, dẫn tới tình trạng say xỉn, không biết gì. Kinh thánh cũng nhấn mạnh về điểm này, và cảnh cáo tạt ham ăn cũng mạnh mẽ như cảnh cáo chống việc say sưa; nhưng say rượu là một điều đặc biệt xấu xa và là điều đặc biệt bất hạnh đối với những ai sống chung, ở cạnh người ấy.

Mặt khác, rượu còn có khả năng đưa người ta đến chỗ nghiện ngập. Một trong những đặc điểm của rượu là cùng với thời gian, nó cứ đòi hỏi một lượng ngày càng tăng mới có thể tạo ra cùng một tác dụng. Lúc đầu nó là một thú vui, cuối cùng sẽ trở thành một thèm muốn có tính áp đảo, đến lúc ấy dứt bỏ nó thật là khó khăn. Rồi còn vấn đề tiêu phí: uống rượu dẫn đến chỗ tiêu hoang một cách xa xỉ, điều mà có thể dùng cho các nhu cầu cần thiết khác. Nhiều người đã từng uống rượu, rồi dẫn tới chỗ nghiện rượu, bao nhiêu tiền của dồn hết để mua rượu, không làm được việc gì khác.

Điểm nữa, là uống rượu vào làm cho sút kém hiệu năng, đầu óc mụ mẫm, làm chậm các phản xạ và phản ứng, gây nên những hậu quả nghiêm trọng, nhất là trong giao thông hay trong công việc

làm. Ngoài ra nó còn có một tác dụng hết sức nghiêm trọng: uống rượu không những làm người ta thư giãn các căng thẳng mà còn khiến người ta lơ lửng việc tự kiểm chế, để có thể làm và nói những điều mà khi tỉnh táo người ta chẳng bao giờ nói hay làm. Nó khiến người ta chệnh mảng việc tự kiểm soát về phương diện đạo đức luân lý, tội tà dâm và rượu thường đi đôi và có liên hệ chặt chẽ với nhau. Như vậy rượu đã sẵn chứa sự nguy hiểm ngay trong chính nó rồi.

Tất cả những điều trên là đúng nhưng chưa đủ để đưa ra một quan điểm liên hệ đến vấn đề phải kiêng cử hoàn toàn. Vì những người uống rượu tự họ đã biết những lợi hại của rượu đối với cơ thể của họ, hay các mối quan hệ với những người xung quanh. Để luận giải cho vấn đề này, luận cứ duy nhất chống lại việc lạm dụng rượu là luận cứ về trách nhiệm đối với người anh em của chúng ta.

Vì cuộc sống của mỗi Cơ đốc nhân là sống cho Chúa, sống vì anh em mình. Chúng ta không thể vì những thứ đồ ăn hay đồ uống mà làm có vấp phạm cho người khác. Việc uống rượu lại càng nên tránh, vì nó chẳng những ảnh hưởng đến tư cách đạo đức mà còn làm có vấp phạm trong việc nói năng cũng như những cử chỉ của mình đối với những người xung quanh. Thử hình dung xem một con cái Chúa, miệng nồng nặc mùi rượu, mặt mũi đỏ gay, ăn nói lè nhè...có ai còn muốn nghe hay tin điều gì người đó nói không? Tất nhiên là không rồi.

Mặt khác, mỗi chúng ta đều biết rằng, thân thể chúng ta là đền thờ, là nơi Chúa Thánh linh ngự. Như ở trên đã trình bày, việc uống rượu dù chỉ một chút ít cũng sẽ làm tổn hại đến bộ não cũng như các bộ phận trong thân thể chúng ta. Việc

làm tổn hại đến thân thể tức là làm tổn hại đến đền thờ Chúa, là điều chẳng một Cơ đốc nhân nào dám làm. Vì vậy, là Cơ đốc nhân, tốt nhất không nên uống rượu hay bất cứ vật chi làm cho say. Chẳng những vậy thôi, mà chúng ta cũng cần có thái độ đúng đắn đối với việc dùng rượu, hầu cho những người xung quanh qua thái độ của chúng ta họ cũng thận trọng hơn trong việc dùng rượu.

Qua phần trình bày trên, chúng ta thấy rằng việc dùng rượu quá độ hay lạm dụng rượu để lại những hậu quả khủng khiếp. Để có thể ngăn ngừa những hậu quả do rượu gây nên, chúng ta cần có những biện pháp thực tế hòng giúp cho mọi người ý thức được sự nghiêm trọng của việc uống rượu. Sau đây là một số đề nghị:

Trong Lễ Tiệc thánh không nên dùng rượu nho, vì có thể trong số những người tham dự, họ đã từng là nạn nhân của việc dùng rượu; nhờ sự biến đổi của Chúa, họ đã từ bỏ nhưng chưa hoàn toàn triệt để. Khi có cơ hội uống rượu hay gặp mùi rượu khiến họ rất dễ tái phát lại cơn nghiện. Tốt nhất là nên dùng nước của trái nho hay nước có màu giống như vậy.

Trong những bữa ăn thông công, tiệc cưới, Lễ, Tết, không nên dùng những đồ uống có chứa cồn. Vì những người tới tham dự có thể họ đang kiêng cử, gặp phải chỗ sẵn rượu họ không kiểm chế được, dẫn tới chỗ quá chén, say sưa, nói năng buông tuồng hay có những cử chỉ sàm sỡ, gây có vấp phạm và làm cho bữa tiệc kém vui.

Ngoài ra, Hội thánh cần mở những cuộc hội thảo nói về những tác hại do rượu gây ra. Khuyến mọi người không nên uống rượu, hoặc nếu có thì nên uống

những loại nào có tác dụng tốt cho sức khỏe.

Kết luận.

Rượu vừa là một thú vui đem lại sự vui vẻ cho con người, nhưng rượu cũng tàn hại đời người nếu như chúng ta lạm dụng nó. Việc sử dụng rượu ví như dùng con dao hai lưỡi, lợi ích đem lại chẳng là bao mà tác hại thì không lường trước được. Là Cơ đốc nhân, thân thể chúng ta là đền thờ của Chúa, là nơi Đức Chúa Trời ngự, bất cứ điều gì có thể đe dọa hay làm hư hại đến thân thể, tức là làm hư hại đến đền thờ của Chúa, thì chúng ta nên tránh. Việc uống hay sử dụng rượu trong đời sống Cơ đốc thật là việc chẳng nên làm. Như lời của Sứ đồ Phao lô cảnh báo các tín hữu tại Hội Thánh Êphêso: *"Vây, hãy giữ cho khéo về sự ăn ở của anh em, chớ xử mình như người đại dột, nhưng như người khôn ngoan ... phải hiểu rõ ý muốn của Chúa là thể nào. Đừng say rượu, vì rượu xui cho buông tuồng; nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh."*



Hoàn nguyên

Sử ký Hội thánh

Hồi giáo

Mahomet. Sinh tại thành La Mecque, năm 570 S.C., là cháu nội của quan Tổng đốc. Chức vụ này chắc sẽ về tay ông, nhưng bị một người khác chiếm mất. Lúc thanh niên, ông đi viếng xứ Sy-ri, tiếp xúc với tín đồ Đấng Christ và người Do-thái, nên đầy lòng kính thờ sự thờ lạy hình tượng. Năm 610, ông tự tuyên bố là tiên tri; bị chối bỏ tại La Mecque; năm 622, chạy tới thành Médine, và được dân chúng tiếp nhận.

Ông trở thành một chiến sĩ, và bắt đầu dùng gươm để truyền bá đạo lý. Năm 630, ông cầm đầu một đạo quân, trở về thành La Mecque, hủy diệt 360 hình tượng, và đầy lòng hăng hái muốn tiêu diệt sự thờ lạy hình tượng. Qua đời năm 632. Các người kế tiếp ông gọi là "Calife."

Bành trướng mau lẹ.-- Khoảng năm 634, xứ Sy-ri bị chinh phục; năm 637, thành Giê-ru-sa-lem; năm 638, xứ Ai-cập; năm 640, xứ Ba-tur; năm 689, Bắc-phi; năm 711, Tây-ban-nha. Như vậy, trong một thời gian ngắn, cả Tây bộ Á châu và Bắc phi, là nơi phát sanh đạo Đấng Christ, trở theo Hồi giáo. Mohamet xuất hiện nhằm lúc Hội Thánh đã ngã xuống vì có sự thờ lạy ảnh tượng, thờ lạy thánh vật, các thánh tử đạo, các thánh và thiên sứ. Các thần Hy-lạp đã bị thay thế bởi hình tượng của Ma-ri và của các thánh. Theo một phương diện, Hồi giáo là cuộc khởi nghĩa chống sự thờ lạy hình tượng của "thế giới Cơ-đốc-giáo," và là sự hình phạt giáng trên một Giáo hội hư hoại, thoái hóa. Tuy nhiên, đối với các quốc gia bị nó chinh phục, nó đã tự tỏ ra là một tai họa tệ hại hơn. Nó là tôn giáo nêu cao sự thù ghét, được truyền bá bằng cây gươm, khuyến khích chế độ tột mọi, chủ nghĩa đa thê và sự bại hoại của phụ nữ.

Trận Tours, trên đất Pháp (năm 732), là một trong những trận quyết liệt của thế giới. Charles Martel đánh bại đạo quân Hồi giáo đang quét sạch thế giới như một ngọn thủy triều. Nếu chẳng có trận thắng ấy, thì có lẽ đạo Đấng Christ đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Người Ả-rập cầm quyền trên thế giới Hồi giáo từ 622-1058. Thủ đô được dời qua Đa-mách (661), rồi qua Bagdad (750), và cứ ở đó cho tới năm 1258.

Thời đại hoàng kim của Hồi giáo đã thực hiện dưới đời Haroun-Al-Rashchild (786-809), là người đồng thời với Charlemagne ở Tây phương.

Người Thổ-nhĩ-kỳ cai trị thế giới Hồi giáo từ năm 1058 cho tới đầu thế kỷ này. Họ kỳ thị tôn giáo và tàn ác còn hơn người Á-rập bội phần. Họ đối xử tín đồ Đấng Christ ở xứ Pa-lét-tin một cách rất dã man, nên đã gây ra các cuộc viễn chinh của Thập-tự-quân.

Người Mông cổ ở Trung bộ Á-châu, dưới sự lãnh đạo của Thành cát Tư hãn (1206-1227), đã chặn đứng quyền thống trị của người Thổ-nhĩ-kỳ. Chỉ huy những đạo quân đông đúc, Thành cát Tư hãn đã cầm gươm và bó đuốc mà dong ruổi trên một phần lớn Á-châu; 50.000 đô thị và thị trấn đã bị thiêu đốt; 5 triệu dân đã bị tàn sát; ở Tiểu-Á-tê-á, 630.000 tín đồ Đấng Christ đã bị "làm thịt." Á-châu không bao giờ phục hồi lên được nữa. Đó là "tai họa khủng khiếp hơn hết từng giáng trên loài người." Dưới đời Tamerlan (1336-1402), một luồng gió lốc tàn diệt tương tự quét sạch khắp nơi, kết quả đồng ruộng bị tàn phá, làng mạc bị đốt cháy, và huyết chảy thành sông. Hẳn có thói quen chất đồng hàng chục ngàn đầu người ở cổng mỗi đô thị; tại Bagdad, hẳn đã chất đồng 90 ngàn đầu lâu.

Thành Constantinople sụp đổ (1453), sa vào tay người Thổ-nhĩ-kỳ, do đó Đông đế quốc La-mã suy vong, khiến Âu-châu một lần nữa lại bị Hồi giáo đe dọa đô hộ; tuy nhiên, nền đô hộ ấy bị Jean Sobieski, vua Ba-lan, chặn đứng tại trận Viene, năm 1683.

Các Cuộc Viễn Chinh Của Thập Tự Quân

Đây là giới tín đồ Đấng Christ cố gắng chiếm lại Xứ Thánh nơi tay người Hồi

giáo. Có bảy cuộc viễn chinh của Thập-tự-quân:

Thứ nhất (1095-1099).-- Chiếm Giê-ru-sa-lem.

Thứ hai (1147-1149).-- Trì hoãn sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem.

Thứ ba (1189-1191).-- Đạo quân không tiến đến Giê-ru-sa-lem được.

Thứ tư (1201-1204).-- Chiếm và cướp phá thành Constantinople.

Thứ năm (1228-1229).-- Chiếm Giê-ru-sa-lem, nhưng chẳng bao lâu lại bị chiếm mất.

Thứ sáu (1248-1254).-- Thất bại.

Thứ bảy (1270-1272).-- Tất cả là công dã tràng.

Các cuộc viễn chinh của Thập-tự-quân cùng sự thất bại không đạt tới mục đích đã có ảnh hưởng cứu được Âu-châu khỏi tay người Thổ-nhĩ-kỳ, cùng mở đường liên lạc thương mại, trí thức giữa Âu-châu và Đông phương. Như vậy, mở đường cho cuộc Phục hưng Văn nghệ.

Danh Sách Các Giáo Hoàng Và Chế Độ Giáo Hoàng

Phân chia đế quốc La-mã

Libère (352-366).*Damase I* (366-384).

Siricius (385-398) đòi quản trị toàn thể Hội Thánh, nhưng chẳng may cho ông, đương thời ông, đế quốc phân chia thành hai đế quốc Đông, Tây riêng biệt (395), khiến cho Giám mục thành La-mã càng khó được Giáo hội Đông phương nhìn nhận quyền hành của mình.

Quyển sách "Thành Đức Chúa Trời" do Augustin trú tác

Anastase (398-402).

Innocent I (402-417) tự xưng là "Kẻ cai trị Hội Thánh của Đức Chúa Trời," và đòi quyền giải quyết các vấn đề tranh chấp quan trọng trong Hội Thánh.

Zosime (417-418). Boniface (418-422). Célestin I (422-432). Sixte (432-440). Lúc này Tây đế quốc tan rã mau lẹ giữa cuộc di cư như bão tố của những dân dã man. Trong cảnh hoạn nạn, lo âu của thời đại ấy, Augustin đã viết quyển sách phi thường, nhan đề là "*Thành Đức Chúa Trời*," trong đó ông thấy trước Đế quốc Đấng Christ gồm cả thế giới. Quyển sách này có ảnh hưởng lớn lao, tạo nên dư luận ủng hộ một hệ thống Giáo hội toàn thế giới ở dưới quyền một vị Thủ lãnh. Sự trạng này khuyến khích sự đòi hỏi của Giám mục thành La-mã.

Hoàng đế nhìn nhận yêu sách của Giáo hoàng

Léon I (440-461) được một vài sử gia gọi là Giáo hoàng đầu tiên. Những hoạn nạn của đế quốc là cơ hội tốt cho Giáo hoàng. Đông đế quốc bị xâm xé bởi những cuộc tranh chấp; Tây đế quốc ở dưới quyền những hoàng đế nhu nhược, đã tan vỡ trước các dân dã man. Giáo hoàng là người hùng mạnh duy nhất trong giờ phút đó. Năm 452, Léon đã thuyết phục được Attila tha không hủy diệt thành La-mã. Sau đó, năm 455, ông lại khuyên được Genséric, người Vandale, thương xót thành ấy. Do đó, danh tiếng ông lên rất cao. Léon tự nhận rằng Đức Chúa Trời đã chỉ định mình làm Tổng chủ giáo của hết thầy Giám mục, và hoàng đế Valentinien III đã nhìn nhận sự tự nhận đó của ông (năm 445). Ông tự tôn là Chúa của cả Giáo hội, và bình vực quyền độc hữu của Giáo hoàng trên khắp thế giới; ông nói rằng chống lại quyền hành của ông tức là đi đường chắc chắn xuống địa ngục, và tuyên bố kẻ theo tà giáo sẽ bị tử hình. Mặc dầu có chiếu chỉ của hoàng đế, Giáo hội nghị Chalcedoine (năm 451), tức là Giáo hội nghị toàn thế giới lần thứ

tư, gồm các Giám mục từ khắp bốn phương họp lại, đã trao cho vị Giáo trưởng thành Constantinople Những Đặc Quyền Ngang Vời vị Giáo trưởng thành La-mã.

Đế quốc La-mã suy vong

Hilaire (461-468).

Simplice (468-483) là Giáo hoàng La-mã khi Tây đế quốc sụp đổ, năm 476. Do đó, các Giáo hoàng không còn bị chánh quyền cản trở nữa. Lúc này, Tây đế quốc đã phân tán thành nhiều nước nhỏ mới nổi lên, và những nước này đã hiến cho các Giáo hoàng cơ hội ký kết liên minh có lợi; vậy Giáo hoàng lần lần trở thành nhân vật có quyền hành như ở Tây phương.

Felix III (483-492). Gélase (492-496). Anastase II (496-498). Symmaque (498-514). Hormisdas (514-523). Jean I (523-525). Félix IV (526-530). Boniface II (530-532). Jean II (532-535). Agapet I (535-536). Silvérius (536-540). Vigile (540-554). Pélage I (555-560). Jean III (569-573). Bénédicte I (574-578). Pélage II (578-590).

Người thật làm Giáo hoàng đầu tiên

GRÉGOIRE I (590-604) được mọi người kể là Giáo hoàng đầu tiên. Ông xuất hiện nhằm lúc có sự hỗn loạn chánh trị và dân chúng rất mực lầm than ở khắp cả Âu Châu. Sau khi đế quốc La-mã sụp đổ (476), thì xứ Ý-đại-lợi trở thành một nước của dân Goths; về sau nó trở thành một tỉnh ở dưới quyền cai trị của hoàng đế Đông phương; lúc này nó đang bị dân Lombards cướp phá. Ảnh hưởng của Grégoire trên vua này, vua kia, đã có hiệu lực làm cho địa vị ông vững vàng. Ông tự nắm trọn quyền kiểm soát Giáo hội ở Ý-đại-lợi, Tây-ban-nha, xứ Gaule và Anh-cát-lợi (việc Anh-cát-lợi trở lại đạo Đấng Christ là

biến cố trọng đại đương thời Grégoire). Ông hoạt động không hề mệt nhọc để tẩy sạch Giáo hội; bãi chức những Giám mục biếng nhác hoặc không xứng đáng, và rất hăng hái chống lại sự bán đồ thánh (simonie). Ông có ảnh hưởng rất lớn tại Đông phương, mặc dầu ông không đòi quyền kiểm soát Giáo hội Đông phương. Vị Giáo trưởng thành Constantinople tự xưng là "Giám mục toàn cầu." Điều đó làm cho Grégoire tức giận; ông phủ nhận tước hiệu ấy, cho là "danh từ xấu xa, ngạo mạn," và không chịu để người ta áp dụng nó cho chính mình ông. Tuy nhiên, về thực tế, ông thi hành mọi quyền lực gồm trong chức vị ấy. Trong đời tư, ông là một người tốt, một trong những Giáo hoàng trong sạch nhứt và tốt nhứt. Ông cố gắng không hề mệt nhọc để thi hành công lý cho kẻ bị hà hiếp, và có sự từ thiện không bờ bến đối với kẻ nghèo. Nếu hết thầy Giáo hoàng giống như ông, thì thế giới chắc phải đánh giá chế độ Giáo hoàng khác hẳn!

Sabinanus (604-606). *Boniface III* (607). *Boniface IV* (608-614). *Deusdedit* (615- 618). *Boniface V* (619-625). *Honorius I* (625-638). *Séverin* (640). *Jean IV* (640-642). *Théodore I* (642-649). *Martin I* (649-653). *Eugène I* (654-657). *Vitalien* (657-672). *Adéodatus* (672-676). *Donus I* (676-678). *Agathon* (678-682).

Léon II (682-683) lên án Honorius I là "Kẻ theo tà giáo." Kỳ lạ thật! Một Giáo hoàng "vô ngộ" gọi một Giáo hoàng "vô ngộ" khác là "Kẻ theo tà giáo." Nhưng có lẽ lúc đó các Giáo hoàng chưa trở thành "vô ngộ," vì mãi tới Giáo hội nghị Vatican, năm 1870, họ mới được nhìn nhận là vô ngộ.

Bénédict II (684-685). *Jean V* (685-686). *Cono* (686-687). *Théodore* (687). *Sergius I* (687-701). *Jean VI* (701-705). *Jean VII* (705-707). *Sisinnius* (708). *Constantin* (708-715). *Grégoire II* (715-731). *Grégoire III* (731-741).

Giáo hoàng trở thành một vua trần gian

Zachrie (741-752) đã nhúng tay làm cho Pépin (cha của Charlemagne) nên vua của dân Francs (một dân tộc Nhật-nhĩ-mãn chiếm cứ miền Tây nước Đức và miền Bắc nước Pháp).

Etienne II (752-757). Theo lời yêu cầu của ông, Pépin dẫn một đạo quân tới xứ Ý-đại-lợi, chiến thắng dân Lombards, và hiến đất đai của chúng (gồm phần lớn xứ này) cho Giáo hoàng. Đó là khởi điểm của các "Lãnh Thổ Giáo Hoàng" hoặc "Quyền Cai Trị Trần Thế" của các Giáo hoàng. Quyền hành chánh tại La-mã và trung bộ Ý-đại-lợi nằm trong tay các Giáo hoàng, do Zachrie và Etienne thiết lập, được Pépin thừa nhận năm 754, và về sau (774) được Charlemagne xác nhận. Trung bộ Ý-đại-lợi xưa kia là trung tâm đế quốc La-mã, rồi là một nước của dân Goths, rồi là một tỉnh của Đông đế quốc, và lúc này trở thành Nước Của Giáo Hoàng, ở dưới quyền cai trị của Đâu Giáo hội. Nó tồn tại 1100 năm, mãi tới năm 1870.

Paul I (757-767). *Etienne III* (768-772). *Adrien I* (772-795). (Còn tiếp)



HỘI THÁNH TIN LÀNH VIỆT NAM TẠI ARNHEM

Vietnamese Evangelische Kerk te Arnhem

Nhóm thờ phượng mỗi chiều chủ nhật từ 14 giờ tới 16 giờ tại

Pinksterzending, Parkstraat 13 -Arnhem

Trương mục của Hội thánh: 538267542 -L.N.H. Huynh

Địa chỉ liên lạc: Truyền đạo Lữ thị Tường Loan

Vrouwburgerswei 52 6843 ZC Arnhem

Tel: 026-3229403.

E-mail: hoithanharnhem@gmail.com

Home page: <http://hoithanh-arnhem.webs.com>

Tin lành: bản tin của Hội thánh phát hành hai tháng một lần.

Mọi thư từ liên lạc xin gửi về địa chỉ của Hội thánh

(Quý vị cũng có thể đọc bản tin này dưới dạng PDF tại :

www.tinlanhauchau.com)

Vậy tôi nói rằng: Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt. Vì xác thịt có những điều ưa muốn trái với của Thánh Linh, Thánh Linh có những điều ưa muốn trái với của xác thịt; hai bên trái nhau dường ấy, nên anh em không làm được điều mình muốn làm. Nhưng, ví bằng anh em nhờ Thánh Linh chỉ dẫn, thì chẳng hề ở dưới luật pháp.

Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm: ấy là gian dâm, ô uế, luông tuông, thờ hình tượng, phù phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bất bình, bè đảng, ganh gổ, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy.

Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi: hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời.

Nhưng trái của Thánh Linh, ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhơn từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ: không có luật pháp nào cấm các sự đó. Vả, những kẻ thuộc về Đức Chúa Jêsus Christ đã đóng đinh xác thịt với tình dục và dâm dục mình trên thập tự giá rồi. Nếu chúng ta nhờ Thánh Linh mà sống, thì cũng hãy bước theo Thánh Linh vậy. Chớ tìm kiếm danh vọng giả dối mà trêu chọc nhau và ghen ghét nhau.

(Ga-la-ti 5: 16-26)